

Số: 41/2025/VBCCTT-COTANA CAPITAL

Thành phố Huế, ngày 01 tháng 04 năm 2025

(Về việc cung cấp thông tin về Khối nhà
XH2 thuộc khu Nhà ở xã hội – Chung cư
cao tầng OXH1 – Đợt 2)

**CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ KHỐI NHÀ XH2
THUỘC KHU NHÀ Ở XÃ HỘI - CHUNG CƯ CAO TẦNG OXH1**

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Huế

Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn COTANA - Công ty Cổ phần tập đoàn TELIN
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản COTANA CAPITAL cung cấp
thông tin về Khối nhà XH2 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1, thuộc Dự
án khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B, Đô thị mới An Vân Dương, thành
phố Huế như sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: Khối nhà XH2 thuộc Khu nhà ở xã
hội – Chung cư cao tầng OXH1 thuộc dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc
khu B – Đô thị mới An Vân Dương, thành phố Huế.

2. Địa điểm xây dựng: Dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc khu B – Đô thị
mới An Vân Dương - Phường Thủy Vân, quận Thuận Hóa, thành phố Huế.

3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana – Công ty Cổ phần
Tập đoàn Telin – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana
Capital;

- Đại diện Liên danh;

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital

+ Giấy ĐKKD : Số 3301604829 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư
thành phố Huế cấp đăng ký lần đầu ngày 25/01/2017, đăng ký thay
đổi lần thứ 9 ngày 10/01/2025;

+ Địa chỉ : CM3-03 Camellia Khu đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy
Vân, quận Thuận Hóa, thành phố Huế;

+ Điện thoại : (84-234).3848.998

4. Thời gian địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua Nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu
tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Địa chỉ: Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital (địa chỉ: CM3-03 Camellia Khu đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Vân, quận Thuận Hóa, thành phố Huế).

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 02/04/2025 đến hết ngày 02/05/2025.

5. Tiến độ thực hiện dự án: Từ tháng 8/2023 đến tháng 06/2025

6. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng:

*** Khối nhà XH2:**

- Tầng cao: 01 tầng hầm + 15 tầng nổi;
- Chiều cao: 55,1m (tính từ sân đường nội bộ); trong đó tầng hầm cao 2,9m, tầng 01 cao 4,2m, tầng 2 đến tầng 15 cao 3,3m/tầng, tầng tum cao 3,8m.
- Diện tích xây dựng: 1.104 m²;
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 17.878 m²;
- Số lượng căn hộ: 182 căn;
- Diện tích đỗ xe: 2.040 m²; trong đó diện tích đỗ xe trong nhà là 1.591,4 m² (trong đó, diện tích đỗ xe máy là 1.203,8 m², diện tích đỗ xe ô tô là 387,6 m²); diện tích đỗ xe ngoài nhà là 449 m² (đỗ xe ô tô);
- Diện tích sàn sử dụng căn hộ: 10.975 m²;
- Diện tích sinh hoạt cộng đồng: 161 m²;

*** Phương án thiết kế:**

- Thiết kế kết cấu móng dưới cột và khu vực bố trí thang máy theo phương án móng cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, cọc BTCT sử dụng cọc PHC D500 loại A; sức chịu tải theo thiết kế là 170T; cường độ chịu nén của bê tông cọc là 80 Mpa; Hệ đài móng, giằng móng, nền tầng hầm, vách tầng hầm sử dụng bê tông cấp độ bền B30.

- Kết cấu phân thân: Hệ kết cấu khung dầm, cột, vách, lõi sàn toàn khối, sử dụng bê tông cấp độ bền B30.

*** Phương án phòng cháy, chữa cháy:** Bao gồm hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy, hệ thống thông gió và hút khói, thiết kế hệ thống điện động lực và điều khiển.

7. Thông tin căn hộ mở bán:

- Số lượng: 36/182 căn hộ, diện tích căn hộ: (43 + 73) m² chi tiết theo bảng đính kèm.
- Giá bán bình quân căn hộ (đã bao gồm thuế GTGT 5% và chưa bao gồm chi phí bảo trì 2%): 16.574.561 đồng/m² sử dụng căn hộ.

8. Đối tượng được đăng ký mua nhà ở xã hội:

1. Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
2. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
3. Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

4. Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
6. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
7. Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này;
8. Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

9. Điều kiện được đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Điều kiện về nhà ở: Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa có quyền sử dụng đất ở, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội; chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại Huế.

- Điều kiện về thu nhập:

+ Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng. Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng.

+ Thời gian xác định điều kiện về thu nhập trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

10. Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP.

Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA - Công ty Cổ phần Tập đoàn TELIN - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản COTANA CAPITAL cung cấp thông tin về Khối nhà XH2 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1, thuộc Dự án khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B, Đô thị mới An Vân Dương, thành phố Huế để Sở Xây dựng được biết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN LIÊN DANH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN COTANA CAPITAL**



P.TGD - GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Dào Thu Thủy

THÔNG TIN CÁC CĂN MỞ BÁN ĐỢT 2 NHÀ Ở XÃ HỘI XH2

Đính kèm công văn về việc cung cấp thông tin về Khối nhà XH2 thuộc khu Nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1

STT	Mẫu nhà	Số nhà	Tầng	DT Sử dụng	Diện tích sàn XD	Giá phê duyệt/m2 (tạm tính)	Tỷ Lệ Tăng/Giảm	Giá bán/m2
1	B1C	W2 201	2	54.50	57.72	16,574,561	-1.890%	16,261,232
2	B1A	W2 202	2	54.50	57.72	16,574,561	0.957%	16,733,194
3	B1D	W2 203	2	54.30	57.72	16,574,561	3.546%	17,162,250
4	C3	W2 204	2	66.30	70.53	16,574,561	1.216%	16,776,099
5	A1	W2 205	2	43.40	47	16,574,561	3.028%	17,076,439
6	C2D	W2 206	2	66.10	70.32	16,574,561	-0.337%	16,518,666
7	C2C	W2 207	2	66.10	70.32	16,574,561	-1.890%	16,261,232
8	B1B	W2 208	2	54.50	57.72	16,574,561	3.028%	17,076,439
9	B1A	W2 209	2	54.50	57.72	16,574,561	4.581%	17,333,873
10	C1	W2 210	2	72.70	77.27	16,574,561	-2.046%	16,235,489
11	C3	W2 211	2	66.30	70.53	16,574,561	0.439%	16,647,383
12	C2A	W2 212	2	66.20	70.52	16,574,561	-2.149%	16,218,326
13	C2B	W2 212A	2	66.40	70.32	16,574,561	-4.841%	15,772,108
14	B1C	W2 301	3	54.50	57.72	16,574,561	-1.890%	16,261,232
15	B1A	W2 302	3	54.50	57.72	16,574,561	0.957%	16,733,194
16	B1D	W2 303	3	54.30	57.72	16,574,561	3.546%	17,162,250
17	C3	W2 304	3	66.30	70.53	16,574,561	1.216%	16,776,099
18	A1	W2 305	3	43.40	47	16,574,561	3.028%	17,076,439
19	C2D	W2 306	3	66.10	70.32	16,574,561	-0.337%	16,518,666
20	C2C	W2 307	3	66.10	70.32	16,574,561	-1.890%	16,261,232
21	B1B	W2 308	3	54.50	57.72	16,574,561	3.028%	17,076,439
22	B1A	W2 309	3	54.50	57.72	16,574,561	4.581%	17,333,873
23	C1	W2 310	3	72.70	77.27	16,574,561	-2.046%	16,235,489
24	C3	W2 311	3	66.30	70.53	16,574,561	0.543%	16,664,545
25	C2A	W2 312	3	66.20	70.52	16,574,561	-2.149%	16,218,326
26	C2B	W2 312A	3	66.40	70.32	16,574,561	-4.841%	15,772,108
27	B1D	W2 403	4	54.30	57.72	16,574,561	3.546%	17,162,250
28	C3	W2 404	4	66.30	70.53	16,574,561	1.216%	16,776,099
29	C2D	W2 406	4	66.10	70.32	16,574,561	-0.337%	16,518,666
30	C2C	W2 407	4	66.10	70.32	16,574,561	-1.890%	16,261,232
31	B1B	W2 408	4	54.50	57.72	16,574,561	3.028%	17,076,439
32	B1A	W2 409	4	54.50	57.72	16,574,561	4.581%	17,333,873
33	C1	W2 410	4	72.70	77.27	16,574,561	-2.046%	16,235,489
34	C3	W2 411	4	66.30	70.53	16,574,561	0.439%	16,647,383
35	C2A	W2 412	4	66.20	70.52	16,574,561	-2.149%	16,218,326
36	C2B	W2 412A	4	66.40	70.32	16,574,561	-4.841%	15,772,108



6